

Số: 1786/QĐ-ĐHLH

Đồng Nai, ngày 21 tháng 9 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành Quy định liên chính học thuật, liên chính nghiên cứu, đạo đức nghiên cứu và sử dụng trí tuệ nhân tạo tại Trường Đại học Lạc Hồng

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC LẠC HỒNG

Căn cứ Quyết định số 790/TTg ngày 24/9/1997 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Trường Đại học dân lập Lạc Hồng;

Căn cứ Quyết định số 1801/QĐ-TTg ngày 22/10/2015 của Thủ tướng Chính phủ về việc chuyển đổi loại hình của Trường Đại học dân lập Lạc Hồng;

Căn cứ Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Lạc Hồng;

Căn cứ Quyết định số 19/QĐ-ĐHLH.K3 ngày 15/12/2025 của Hội nghị nhà đầu tư về việc công nhận chức vụ Hiệu trưởng Trường Đại học tư thục Lạc Hồng nhiệm kỳ 2025-2030;

Căn cứ chức năng và quyền hạn của Hiệu trưởng Trường Đại học Lạc Hồng;

Căn cứ tình hình thực tế về hoạt động Khoa học và Công nghệ của trường Đại học Lạc Hồng;

Xét đề nghị của Giám đốc Trung tâm Nghiên cứu Khoa học và Ứng dụng,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định liên chính học thuật, liên chính nghiên cứu, đạo đức nghiên cứu và sử dụng trí tuệ nhân tạo tại Trường Đại học Lạc Hồng.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Những quy định trước đây trái với quy định này đều không còn hiệu lực.

Điều 3. Giám đốc Trung tâm Nghiên cứu Khoa học và Ứng dụng, Thủ trưởng các đơn vị, các thành viên Hội đồng Khoa học và Đào tạo, các cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lưu: VT, TT.NCKH&ƯD, (602).



TRƯỜNG ĐẠI HỌC LẠC HỒNG
2026.09.21 14:47:39+07'00'

Lâm Thành Hiến

QUY ĐỊNH
VỀ LIÊM CHÍNH HỌC THUẬT, LIÊM CHÍNH NGHIÊN CỨU,
ĐẠO ĐỨC NGHIÊN CỨU VÀ SỬ DỤNG TRÍ TUỆ NHÂN TẠO
TẠI TRƯỜNG ĐẠI HỌC LẠC HỒNG

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 1786/QĐ-ĐHLH ngày 21 tháng 9 năm 2026
của Hiệu trưởng Trường Đại học Lạc Hồng)*

CHƯƠNG I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Mục đích và phạm vi điều chỉnh

1. Quy định này thiết lập các nguyên tắc, quyền, nghĩa vụ và cơ chế quản trị nhằm xây dựng văn hóa trung thực, trách nhiệm, công bằng, minh bạch và tôn trọng trong hoạt động học thuật, nghiên cứu và đổi mới sáng tạo tại Trường Đại học Lạc Hồng (sau đây gọi là Trường).

2. Quy định áp dụng đối với hoạt động học tập, giảng dạy, kiểm tra, đánh giá; khóa luận, đồ án, đề án, luận văn, luận án; nghiên cứu khoa học, công bố, phản biện, nghiệm thu; đạo đức và dữ liệu nghiên cứu; kiểm soát tương đồng, đạo văn; sử dụng trí tuệ nhân tạo (AI); tiếp nhận, xác minh, xử lý và khắc phục vi phạm.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Người học ở tất cả các trình độ, chương trình và hình thức đào tạo.

2. Giảng viên, nghiên cứu viên, người lao động, cán bộ quản lý; giảng viên thỉnh giảng, chuyên gia, cộng tác viên, người hướng dẫn, thành viên hội đồng và phản biện.

3. Các đơn vị thuộc Trường và cá nhân, tổ chức bên ngoài khi tham gia hoạt động đào tạo, nghiên cứu hoặc sử dụng nguồn lực, dữ liệu, tên hoặc địa chỉ học thuật của Trường.

Điều 3. Giá trị và nguyên tắc chung

1. Hoạt động học thuật và nghiên cứu phải dựa trên các giá trị trung thực, tin cậy, khách quan, công bằng, minh bạch, tôn trọng, trách nhiệm, trách nhiệm giải trình và độc lập học thuật trong khuôn khổ pháp luật.

2. Cá nhân chịu trách nhiệm đối với sản phẩm đứng tên mình; mọi đóng góp của người khác phải được ghi nhận phù hợp; dữ liệu và kết quả phải có nguồn gốc, khả năng truy xuất và kiểm chứng ở mức phù hợp.

3. Không được ngụy tạo, làm sai lệch, che giấu hoặc trình bày thông tin theo cách làm sai lệch bản chất học thuật hoặc khoa học của sản phẩm.

4. Công nghệ, phần mềm, AI và bên thứ ba không thay thế trách nhiệm học thuật của con người. Việc xác định vi phạm phải dựa trên chứng cứ, bối cảnh và thẩm định của con người; không kết luận đạo văn chỉ từ tỷ lệ tương đồng và không kết luận sử dụng AI trái phép chỉ từ Công cụ phát hiện AI.

5. Mức độ kiểm soát, xác minh và biện pháp xử lý phải tương xứng với mức độ rủi ro, tính chất hành vi, hậu quả và tầm quan trọng của sản phẩm.

6. Yêu cầu của pháp luật, cơ quan quản lý, cơ quan tài trợ, chương trình liên kết hoặc nhà xuất bản được áp dụng nếu có yêu cầu nghiêm ngặt hơn và không trái pháp luật Việt Nam.

Điều 4. Giải thích từ ngữ

1. *Liêm chính học thuật* là việc tuân thủ các giá trị và chuẩn mực trung thực, công bằng, minh bạch, trách nhiệm và tôn trọng trong học tập, giảng dạy và đánh giá.

2. *Liêm chính nghiên cứu* là việc tuân thủ các nguyên tắc trung thực, khách quan, minh bạch, trách nhiệm và khả năng giải trình trong toàn bộ vòng đời nghiên cứu.

3. *Đạo đức nghiên cứu* là các nguyên tắc bảo vệ quyền, phẩm giá, sự an toàn và lợi ích của người tham gia nghiên cứu, cộng đồng, động vật, môi trường và các bên liên quan.

4. *Đạo văn* là việc sử dụng từ ngữ, ý tưởng, dữ liệu, kết quả, hình ảnh, mô hình, mã nguồn, cấu trúc lập luận hoặc sản phẩm trí tuệ của người khác mà không ghi nhận nguồn trung thực và phù hợp.

5. *Tự đạo văn* là việc tái sử dụng đáng kể sản phẩm đã nộp hoặc công bố trước đây của chính tác giả mà không khai báo, trích dẫn hoặc làm rõ tình trạng sử dụng trước đó.

6. *Tỷ lệ tương đồng* là tỷ lệ nội dung được công cụ kỹ thuật xác định có trùng khớp với nguồn trong cơ sở dữ liệu; tỷ lệ này không phải tỷ lệ đạo văn.

7. *Ngụy tạo dữ liệu* là việc tạo ra dữ liệu, quan sát, đối tượng, phỏng vấn hoặc kết quả không tồn tại rồi trình bày như dữ liệu thật.

8. *Làm sai lệch dữ liệu* là việc sửa, loại bỏ, thay thế, thao túng hoặc trình bày dữ liệu theo cách làm thay đổi bản chất khoa học của nghiên cứu.

9. *Phần trọng yếu* của sản phẩm là phần thể hiện trực tiếp năng lực, đóng góp trí tuệ hoặc kết quả mà cá nhân được yêu cầu tự thực hiện; việc người khác hoặc AI thực hiện thay phần này có khả năng làm sai lệch đáng kể việc đánh giá năng lực hoặc đóng góp thực chất.

10. *Thực hiện thay/viết thuê* là việc cá nhân hoặc tổ chức thực hiện một phần trọng yếu hoặc toàn bộ sản phẩm để người khác sử dụng như sản phẩm của mình.

11. *AI tạo sinh* là hệ thống AI có khả năng tạo hoặc biến đổi văn bản, dữ liệu, hình ảnh, âm thanh, video, mã lệnh hoặc dạng nội dung khác.

12. *Công cụ phát hiện AI* là công cụ ước lượng khả năng nội dung có liên quan đến AI; kết quả chỉ có giá trị hỗ trợ sàng lọc.

13. *Ảnh hưởng đáng kể* là tác động có khả năng làm thay đổi hoặc ảnh hưởng thực chất đến tính nguyên bản, độ tin cậy, kết quả hoặc giá trị học thuật của sản phẩm; việc đánh giá năng lực, kết quả học tập hoặc nghiên cứu; quyết định học thuật, quản lý; hoặc quyền và lợi ích hợp pháp của các bên liên quan.

14. *Người có thẩm quyền* là Hiệu trưởng hoặc cá nhân được Hiệu trưởng phân cấp, ủy quyền hợp lệ; trường hợp pháp luật hoặc quy định chuyên ngành xác định cụ thể chủ thể có thẩm quyền thì thực hiện theo quy định đó.

Điều 5. Quan hệ với pháp luật và quy định khác

1. Quy định này được áp dụng cùng với pháp luật hiện hành, Quy chế tổ chức và

hoạt động, quy chế đào tạo, quy định công tác người học, quy định lao động, bảo vệ dữ liệu cá nhân, sở hữu trí tuệ và các quy định chuyên ngành có liên quan.

2. Trường hợp có khác biệt với quy định của pháp luật hoặc quy định chuyên ngành có hiệu lực cao hơn thì áp dụng quy định đó.

3. Hiệu trưởng ban hành hoặc phê duyệt phụ lục, hướng dẫn kỹ thuật, quy trình và biểu mẫu để thực hiện Quy định này.

CHƯƠNG II

LIÊM CHÍNH TRONG HỌC TẬP, GIẢNG DẠY VÀ ĐÁNH GIÁ

Điều 6. Trách nhiệm của người học

1. Tự thực hiện nhiệm vụ được giao, trừ hoạt động cộng tác được cho phép; ghi nhận đầy đủ nguồn và đóng góp của người khác.

2. Chỉ sử dụng tài liệu, thiết bị, công nghệ và AI trong phạm vi được phép; khai báo việc sử dụng AI khi được yêu cầu.

3. Bảo quản bản nháp, dữ liệu và minh chứng quá trình trong phạm vi hợp lý khi sản phẩm thuộc diện cần kiểm chứng.

4. Không mua/bán, trao đổi, cung cấp hoặc sử dụng sản phẩm học thuật nhằm gian lận.

5. Trung thực khi giải trình, cung cấp thông tin và chứng cứ liên quan đến sản phẩm của mình.

Điều 7. Trách nhiệm của giảng viên và đơn vị tổ chức đánh giá

1. Công bố rõ yêu cầu liên chính, hình thức cộng tác và mức LHU-AI áp dụng đối với nhiệm vụ đánh giá.

2. Hướng dẫn người học về trích dẫn, sử dụng nguồn, dữ liệu, AI và cách lưu minh chứng quá trình phù hợp.

3. Thiết kế đánh giá phù hợp với chuẩn đầu ra, hạn chế động cơ và cơ hội gian lận.

4. Không kết luận vi phạm một cách máy móc từ báo cáo tương đồng, Công cụ phát hiện AI hoặc công cụ kỹ thuật khác.

5. Bảo vệ bài làm, dữ liệu, quyền sở hữu trí tuệ và thông tin cá nhân của người học.

6. Không sử dụng AI làm căn cứ duy nhất để chấm điểm, xếp hạng hoặc đưa ra quyết định bất lợi đối với người học.

Điều 8. Bảo đảm liên chính trong kiểm tra, đánh giá trên môi trường số

1. Hệ thống phục vụ kiểm tra, thi và đánh giá phải có mức xác thực danh tính, lưu vết, truy xuất và bảo mật phù hợp với mức độ rủi ro và tầm quan trọng của hoạt động đánh giá.

2. Việc sử dụng công nghệ giám sát, sinh trắc học hoặc xử lý dữ liệu cá nhân phải tuân thủ pháp luật và nguyên tắc cần thiết, tương xứng, bảo mật và giới hạn mục đích.

3. Trung tâm Thông tin Tư liệu chịu trách nhiệm vận hành, an toàn hệ thống; các

đơn vị đào tạo và giảng viên chịu trách nhiệm sử dụng đúng chức năng, xử lý cảnh báo bằng thẩm định của con người và báo cáo dấu hiệu bất thường khi cần thiết.

Điều 9. Các hành vi gian lận học thuật

1. Sao chép, đạo văn, tự đạo văn trái quy định hoặc nộp lại sản phẩm đã sử dụng trước đó mà không được phép;
2. Trao đổi, cộng tác, sử dụng trái phép tài liệu, thiết bị hoặc AI trong kiểm tra, đánh giá;
3. Nhờ người khác thi, học, làm bài hoặc nghiên cứu thay; mua, bán, thuê hoặc cung cấp sản phẩm học thuật phục vụ gian lận;
4. Làm giả minh chứng, dữ liệu hoặc thông tin về quá trình thực hiện sản phẩm;
5. Giúp người khác thực hiện hành vi gian lận;
6. Cố tình phá vỡ, né tránh hoặc thao túng hệ thống kiểm soát liên chính;
7. Các hành vi khác làm sai lệch việc đánh giá năng lực hoặc đóng góp thực chất của cá nhân/ tổ chức.

CHƯƠNG III

LIÊM CHÍNH VÀ ĐẠO ĐỨC TRONG NGHIÊN CỨU

Điều 10. Nguyên tắc liên chính nghiên cứu

1. Đề xuất nghiên cứu phải phản ánh trung thực tính mới, cơ sở khoa học, năng lực, nguồn lực và kết quả dự kiến; không chiếm dụng ý tưởng tiếp cận qua hướng dẫn, phân biện, hội đồng hoặc hợp tác.
2. Nguồn tài trợ, phần kế thừa, xung đột lợi ích và các ràng buộc liên quan phải được khai báo phù hợp.
3. Kinh phí, thiết bị và nguồn lực nghiên cứu phải được sử dụng đúng mục đích; không khai không hoặc nhận tài trợ trùng lặp mà không khai báo.
4. Nghiên cứu, phân tích và công bố phải phản ánh trung thực dữ liệu, phương pháp, kết quả, giới hạn và đóng góp.

Điều 11. Đạo đức nghiên cứu

1. Nghiên cứu thuộc diện xem xét đạo đức chỉ được triển khai sau khi được cơ quan hoặc Hội đồng có thẩm quyền chấp thuận; thay đổi đáng kể về đối tượng, phương pháp, dữ liệu hoặc AI phải được xem xét bổ sung khi cần thiết.
2. Nghiên cứu có con người tham gia phải bảo đảm sự tham gia tự nguyện và có hiểu biết; cung cấp thông tin phù hợp về mục tiêu, phương pháp, quyền lợi, rủi ro, quyền rút lui và sử dụng dữ liệu; bảo vệ nhóm dễ bị tổn thương và thông tin nhận dạng.
3. Nghiên cứu liên quan đến động vật, môi trường, an toàn hoặc lĩnh vực có rủi ro đặc thù phải tuân thủ pháp luật, chuẩn chuyên ngành, giảm thiểu tổn hại có thể dự báo và có biện pháp quản lý rủi ro.
4. Nghiên cứu y sinh học trên đối tượng con người phải được Hội đồng đạo đức trong nghiên cứu y sinh học có thẩm quyền thẩm định, chấp thuận theo quy định chuyên ngành.

Điều 12. Quản trị dữ liệu nghiên cứu và lưu trữ hồ sơ

1. Dữ liệu phải được thu thập, tạo lập, xử lý, phân tích và lưu trữ khách quan, có căn cứ, có khả năng truy xuất; các thao tác chỉnh sửa quan trọng phải có dấu vết phù hợp.

2. Không được lựa chọn, loại bỏ hoặc biến đổi dữ liệu chỉ nhằm đạt kết quả mong muốn; việc xử lý giá trị ngoại lai, giá trị thiếu hoặc loại quan sát phải có căn cứ.

3. Dữ liệu gốc, dữ liệu đã xử lý và các hồ sơ cần thiết để kiểm chứng kết quả được lưu theo loại nghiên cứu và thời hạn tại Phụ lục C hoặc quy định chuyên ngành.

4. Không tiêu hủy, xóa hoặc sửa hồ sơ đang liên quan đến phản ánh, khiếu nại, xác minh, thanh tra, tranh chấp hoặc yêu cầu bảo toàn chứng cứ.

5. Dữ liệu cá nhân được xử lý, lưu giữ, ẩn danh hóa, xóa hoặc hạn chế truy cập theo pháp luật, phê duyệt đạo đức và mục đích hợp pháp của nghiên cứu.

Điều 13. Ngụy tạo và làm sai lệch dữ liệu

1. Ngụy tạo hoặc làm sai lệch dữ liệu là hành vi vi phạm đặc biệt nghiêm trọng khi có tính chất cố ý và ảnh hưởng đến tính trung thực của nghiên cứu.

2. Các hành vi điển hình gồm tạo người tham gia, phỏng vấn, thí nghiệm hoặc kết quả không có thật; sửa hoặc loại dữ liệu không có căn cứ; làm giả hình ảnh, kết quả thực nghiệm; hoặc sử dụng AI tạo dữ liệu giả nhưng trình bày như dữ liệu thực.

Điều 14. Quyền tác giả, xung đột lợi ích và nguồn lực

1. Chỉ người có đóng góp thực chất mới được đứng tên tác giả; không thêm tác giả danh dự, mua bán vị trí tác giả, loại bỏ người có đóng góp thực chất hoặc ghi AI là tác giả.

2. Thứ tự tác giả và đóng góp phải được thông nhất minh bạch; công trình có nhiều tác giả thuộc diện Trường quản lý có thể phải khai báo đóng góp theo mẫu, CRediT hoặc hệ thống tương đương.

3. Xung đột lợi ích tài chính, nghề nghiệp, quan hệ hoặc lợi ích khác có khả năng ảnh hưởng tính độc lập phải được khai báo và quản lý; người có xung đột đáng kể phải rút khỏi quyết định hoặc chịu cơ chế kiểm soát phù hợp.

4. Nguồn tài trợ, quyền sở hữu trí tuệ và việc sử dụng nguồn lực của Trường phải được ghi nhận và quản lý theo quy định.

Điều 15. Trích dẫn, công bố, phản biện và hợp tác nghiên cứu

1. Trích dẫn phải trung thực, đúng ngữ cảnh và ưu tiên nguồn gốc phù hợp; không thao túng trích dẫn, không đưa tài liệu chưa kiểm chứng vào danh mục nhằm tạo hình thức học thuật.

2. Công bố khoa học phải phản ánh trung thực kết quả; không gửi đồng thời trái quy định, công bố trùng lặp không minh bạch, chia nhỏ bất hợp lý, mua bán bài báo, phản biện hoặc quyền tác giả.

3. Tác giả có trách nhiệm sửa, đính chính hoặc đề nghị rút công bố khi phát hiện sai sót nghiêm trọng ảnh hưởng đến độ tin cậy của công trình.

4. Phản biện và đánh giá khoa học phải độc lập, khách quan, bảo mật; không sử dụng ý tưởng hoặc dữ liệu chưa công bố cho lợi ích riêng; chỉ sử dụng AI với hồ sơ mật khi được phép và bảo đảm điều kiện bảo mật.

5. Trong hợp tác nghiên cứu, các bên cần thống nhất phù hợp về dữ liệu, quyền tác giả, sở hữu trí tuệ, kinh phí, công bố, bảo mật, đạo đức, AI và xử lý tranh chấp.

CHƯƠNG IV

KIỂM SOÁT TƯƠNG ĐỒNG VÀ ĐẠO VĂN

Điều 16. Nguyên tắc kiểm tra và thẩm định tương đồng

1. Tỷ lệ tương đồng không phải là tỷ lệ đạo văn và báo cáo tương đồng chỉ là công cụ hỗ trợ sàng lọc, thẩm định.

2. Không sử dụng một tỷ lệ hoặc một nguồn dữ liệu kỹ thuật duy nhất để tự động kết luận có hoặc không có đạo văn.

3. Việc đánh giá phải xem xét nguồn, vị trí, phạm vi, tính chất nội dung, cách trích dẫn, mức độ đóng góp, bối cảnh và cách thức sử dụng.

4. Vượt ngưỡng sàng lọc không mặc nhiên là vi phạm; thấp hơn ngưỡng không mặc nhiên xác nhận không có vi phạm.

Điều 17. Công cụ, chỉ số và ngưỡng sàng lọc

1. Trường công bố danh mục công cụ kiểm tra tương đồng được chấp thuận. Chỉ báo cáo từ tài khoản, hệ thống hoặc quy trình do Trường chấp thuận mới có giá trị sử dụng chính thức.

2. Các thông tin quản lý tối thiểu gồm: S1 - tỷ lệ tương đồng điều chỉnh; Smax - tỷ lệ tương đồng lớn nhất từ một nguồn đơn lẻ; U - phần nội dung trùng lặp chưa được ghi nhận phù hợp do người thẩm định xác định.

3. S1 và Smax là chỉ số kỹ thuật; U là kết quả thẩm định chuyên môn của con người và không bắt buộc quy đổi thành tỷ lệ phần trăm.

4. Ngưỡng sàng lọc, cấu hình kiểm tra, cách phân loại U và danh mục công cụ được quy định tại Phụ lục A; Hiệu trưởng hoặc người được phân cấp, ủy quyền được điều chỉnh phụ lục trên cơ sở dữ liệu thực tế và yêu cầu quản lý.

5. Khi sử dụng nhiều công cụ, không cộng hoặc lấy trung bình kết quả, không lựa chọn kết quả thấp hơn để hợp thức hóa sản phẩm và không mặc nhiên lấy kết quả cao hơn để kết luận vi phạm; khác biệt có ý nghĩa phải được thẩm định nguồn và nội dung.

Điều 18. Thẩm định và kết luận đạo văn

1. Sản phẩm vượt ngưỡng phải được thẩm định; sản phẩm thấp hơn ngưỡng vẫn phải xem xét khi có dấu hiệu sao chép phần trọng yếu, đạo văn ý tưởng, dịch từ nguồn khác không ghi nhận, sao chép dữ liệu, bảng, hình, mã nguồn, né công cụ hoặc sử dụng dịch vụ viết thuê.

2. Người thẩm định xác định nguồn, vị trí, tính chất, phạm vi và mức độ ảnh hưởng của phần nội dung U, đồng thời xem xét giải trình và chứng cứ liên quan.

3. Kết luận đạo văn phải dựa trên đánh giá tổng thể; không được căn cứ riêng vào S1, Smax, U hoặc bất kỳ ngưỡng kỹ thuật nào.

CHƯƠNG V

SỬ DỤNG TRÍ TUỆ NHÂN TẠO

Điều 19. Nguyên tắc quản trị AI

1. AI được quản trị theo mục đích, mức độ và rủi ro sử dụng, không theo một tỷ lệ nội dung nghi do AI tạo.
2. Người sử dụng AI chịu trách nhiệm cuối cùng; đầu ra của AI phải được kiểm chứng trước khi sử dụng.
3. AI không thay thế nguồn học thuật gốc và không được ghi là tác giả.
4. Việc sử dụng AI phải tuân thủ bảo mật, quyền riêng tư, bảo vệ dữ liệu cá nhân, sở hữu trí tuệ và quyền của bên thứ ba.
5. Việc sử dụng AI phải minh bạch khi có ảnh hưởng đáng kể đến nội dung, phương pháp hoặc kết quả của sản phẩm.
6. Không sử dụng đầu ra của AI làm căn cứ duy nhất để đưa ra quyết định bất lợi có ảnh hưởng đáng kể đến cá nhân.

Điều 20. Hệ thống phân loại LHU-AI

1. LHU-AI0 - Không được sử dụng AI: áp dụng khi việc sử dụng AI làm mất giá trị của đánh giá năng lực cá nhân.
2. LHU-AI1 - Hỗ trợ kỹ thuật: cho phép các hoạt động kỹ thuật cơ bản không thay thế tư duy hoặc đóng góp trí tuệ trọng yếu.
3. LHU-AI2 - Hỗ trợ nội dung có khai báo: cho phép AI hỗ trợ nội dung trong phạm vi nhiệm vụ cho phép và phải khai báo.
4. LHU-AI3 - AI tích hợp vào phương pháp: áp dụng khi AI là công cụ phân tích, đối tượng nghiên cứu hoặc thành phần phương pháp; phải được phê duyệt và mô tả đầy đủ.

Điều 21. Xác định và công bố mức LHU-AI

1. Giảng viên, người ra đề hoặc đơn vị tổ chức đánh giá phải xác định và công bố mức LHU-AI trước khi người học thực hiện nhiệm vụ; đối với khóa luận, đồ án, đề án, luận văn, luận án và sản phẩm nghiên cứu, người hướng dẫn hoặc đơn vị quản lý chuyên môn xác định mức phù hợp.
2. Trường hợp không có hướng dẫn cụ thể: bài thi, bài kiểm tra có giám sát và hoạt động đánh giá trực tiếp năng lực cá nhân mặc định LHU-AI0; bài tập, tiểu luận, báo cáo cá nhân ngoài kỳ thi mặc định LHU-AI1; LHU-AI2 và LHU-AI3 chỉ được sử dụng khi có sự cho phép hoặc yêu cầu rõ ràng.
3. Hướng dẫn cụ thể của nhiệm vụ được ưu tiên so với mức mặc định nếu không trái Quy định này.
4. Không áp dụng xử lý học thuật hoặc kỷ luật đối với người học chỉ vì sử dụng AI vượt mức cho phép nếu mức và phạm vi sử dụng chưa được công bố rõ trước khi thực hiện nhiệm vụ; quy định này không áp dụng đối với hành vi bị nghiêm cấm hoặc hành vi gian lận mà người học biết hoặc phải biết là không được phép.

Điều 22. Khai báo và phê duyệt sử dụng AI

1. Sử dụng AI ở mức LHU-AI2 phải được khai báo theo yêu cầu; LHU-AI3 phải được phê duyệt và mô tả trong đề cương, phương pháp hoặc hồ sơ tương ứng.
2. Khai báo tối thiểu gồm công cụ, mục đích, phần/công đoạn sử dụng, mức độ đóng góp, biện pháp kiểm chứng và biện pháp bảo vệ dữ liệu khi có liên quan.

3. Các hoạt động có rủi ro cao như AI phân tích dữ liệu nghiên cứu, tạo dữ liệu tổng hợp hoặc mô phỏng, tương tác trực tiếp với người tham gia, xử lý dữ liệu cá nhân nhạy cảm, tạo hoặc biến đổi bằng chứng, huấn luyện trên dữ liệu nội bộ hoặc tham gia quyết định có ảnh hưởng đáng kể phải được phê duyệt trước theo thẩm quyền.

4. Ma trận minh họa mức LHU-AI được quy định tại Phụ lục B.

Điều 23. Các hành vi sử dụng AI bị nghiêm cấm

1. Tạo dữ liệu, người tham gia, phỏng vấn, thí nghiệm, tài liệu tham khảo hoặc bằng chứng giả và trình bày như thật;

2. Sử dụng AI để thực hiện bài thi hoặc nhiệm vụ thuộc LHU-AI0;

3. Để AI thực hiện thay phần trọng yếu của sản phẩm ngoài phạm vi được phép;

4. Giả mạo chữ ký, nhận xét, phản biện hoặc danh tính;

5. Che giấu việc sử dụng AI khi phải khai báo hoặc dùng công cụ, kỹ thuật nhằm né tránh cơ chế kiểm soát liên chính;

6. Đưa dữ liệu mật, chưa công bố hoặc dữ liệu cá nhân vào hệ thống không được phép hoặc không đáp ứng điều kiện bảo mật;

7. Sử dụng AI để xâm phạm quyền, danh dự, sở hữu trí tuệ, lợi ích hợp pháp của người khác.

Điều 24. Sử dụng AI trong quyết định có ảnh hưởng đáng kể đến cá nhân

1. Việc sử dụng AI để hỗ trợ đánh giá, phân loại, xếp hạng, dự báo hoặc quyết định có ảnh hưởng đáng kể đến người học, người lao động, người tham gia nghiên cứu hoặc cá nhân khác phải được phê duyệt trước và đánh giá rủi ro phù hợp.

2. Không sử dụng đầu ra của AI làm căn cứ duy nhất để đưa ra quyết định bất lợi đối với cá nhân. Quyết định cuối cùng phải có sự giám sát thực chất và trách nhiệm của con người có thẩm quyền.

3. Người chịu trách nhiệm phải có khả năng xem xét, điều chỉnh hoặc bác bỏ khuyến nghị của AI và xem xét thông tin, chứng cứ hoặc hoàn cảnh mà hệ thống không phản ánh đầy đủ.

4. Cá nhân bị ảnh hưởng phải được cung cấp thông tin phù hợp về vai trò của AI và có cơ chế yêu cầu giải trình, cung cấp thông tin bổ sung, phản ánh hoặc yêu cầu xem xét lại.

5. Hệ thống phải được theo dõi về độ chính xác, sai lệch, tác động không mong muốn, bảo mật và bảo vệ dữ liệu; việc sử dụng hệ thống của bên thứ ba không làm giảm trách nhiệm của Trường và người có thẩm quyền.

Điều 25. Giá trị của Công cụ phát hiện AI và xác minh nghi vấn

1. Công cụ phát hiện AI chỉ là công cụ sàng lọc; không có một tỷ lệ AI cho phép chung cho mọi sản phẩm và không được sử dụng chỉ số phát hiện AI làm bằng chứng duy nhất.

2. Không tự động trừ điểm, chấm không đạt, không cho bảo vệ, kỷ luật hoặc ghi nhận vi phạm chỉ vì kết quả từ Công cụ phát hiện AI.

3. Chỉ sử dụng công cụ được Trường chấp thuận cho ngôn ngữ hoặc loại nội dung phù hợp; công cụ chưa được xác nhận hoặc đánh giá phù hợp chỉ có giá trị tham khảo.

4. Khi có nghi vấn, việc xác minh có thể sử dụng bản nháp, lịch sử chỉnh sửa, dữ liệu, mã lệnh, nội dung khai báo AI, tài liệu đã sử dụng, minh chứng hướng dẫn và khả năng giải thích sản phẩm; không một loại chứng cứ riêng lẻ nào mặc nhiên quyết định kết luận.

CHƯƠNG VI

HÀNH VI VI PHẠM, XÁC MINH VÀ KHIẾU NẠI

Điều 26. Nhóm hành vi và mức độ vi phạm

1. Các nhóm hành vi vi phạm gồm: đạo văn; ngụy tạo hoặc làm sai lệch dữ liệu; gian lận trong đánh giá hoặc thực hiện thay/viết thuê; gian lận quyền tác giả, công bố, trích dẫn hoặc phản biện; vi phạm đạo đức nghiên cứu, bảo mật, dữ liệu cá nhân hoặc xung đột lợi ích; sử dụng AI trái phép; cản trở xác minh, trả đũa người phản ánh; và hành vi khác làm sai lệch bản chất học thuật hoặc nghiên cứu.

2. Vi phạm được phân thành bốn mức: Mức 1 - lỗi kỹ thuật hoặc sơ suất nhẹ; Mức 2 - vi phạm đáng kể nhưng phạm vi, hậu quả còn hạn chế; Mức 3 - vi phạm nghiêm trọng, có yếu tố cố ý hoặc ảnh hưởng đáng kể; Mức 4 - vi phạm đặc biệt nghiêm trọng như ngụy tạo, làm sai lệch dữ liệu nghiêm trọng, viết thuê, mua bán sản phẩm, gian lận có hệ thống hoặc gây hậu quả nghiêm trọng.

3. Mức độ được xác định trên cơ sở tính chất, phạm vi, ý định, hậu quả, mức độ ảnh hưởng, trình độ và kinh nghiệm, tái phạm, hành vi che giấu hoặc cản trở, mức độ hợp tác và khả năng khắc phục.

Điều 27. Nguyên tắc thủ tục và bảo vệ các bên

1. Việc tiếp nhận và xử lý vụ việc phải khách quan, công bằng, bảo mật, kịp thời, không định kiến và không coi cá nhân là người vi phạm khi chưa có kết luận của người có thẩm quyền.

2. Người bị xem xét có quyền được biết nội dung nghi vấn, giải trình, cung cấp chứng cứ, được xem xét các tình tiết có lợi và bất lợi, nhận kết luận trong phạm vi phù hợp và khiếu nại theo Quy định này.

3. Người phản ánh thiện chí được bảo mật danh tính trong phạm vi pháp luật cho phép và được bảo vệ khỏi hành vi trả đũa; việc cố ý cung cấp thông tin sai sự thật có thể bị xử lý theo quy định pháp luật.

4. Thời hạn của các bước xác minh được quy định tại Phụ lục D. Quy trình xác minh chuyên môn theo Quy định này không thay thế quy trình kỷ luật, lao động, thu hồi văn bằng hoặc thủ tục chuyên ngành mà pháp luật quy định riêng.

Điều 28. Tiếp nhận và xác minh sơ bộ

1. Phản ánh có thể đến từ cá nhân, đơn vị, cơ quan quản lý, nhà xuất bản, cơ quan tài trợ, công cụ kiểm tra hoặc thông tin công khai có căn cứ; phản ánh ẩn danh được xem xét nếu có thông tin đủ cụ thể.

2. Đơn vị thường trực xác minh sơ bộ về thẩm quyền, tính cụ thể, chứng cứ ban đầu, xung đột lợi ích và nhu cầu bảo toàn hồ sơ; sau đó kiến nghị người có thẩm quyền: không tiếp tục xem xét; hướng dẫn/sửa chữa đối với lỗi nhẹ; hoặc tiến hành xác minh chính thức.

3. Kết quả xác minh sơ bộ không phải là kết luận vi phạm. Khi chuyển sang xác

minh chính thức, người bị xem xét phải được thông báo về nội dung nghi vấn, quy định liên quan, chứng cứ chính, quyền giải trình và thời hạn phản hồi.

Điều 29. Tổ xác minh và tiêu chuẩn chứng cứ

1. Khi cần xác minh chính thức, người có thẩm quyền thành lập Tổ xác minh theo vụ việc gồm thành viên có chuyên môn phù hợp, độc lập, khách quan, không có xung đột lợi ích; có thể mời chuyên gia ngoài Trường.

2. Tổ xác minh thu thập, bảo toàn, kiểm tra và đánh giá chứng cứ; làm việc với các bên; yêu cầu hồ sơ, dữ liệu và minh chứng cần thiết; lập Báo cáo xác minh và kiến nghị về hành vi, mức độ, biện pháp khắc phục hoặc xử lý.

3. Tổ xác minh không có thẩm quyền ban hành kết luận vi phạm cuối cùng hoặc quyết định kỷ luật, trừ khi pháp luật hoặc quy định chuyên biệt giao rõ thẩm quyền đó.

4. Nhận định phải dựa trên tổng thể chứng cứ đáng tin cậy, xem xét cả tình tiết có lợi và bất lợi; kết quả phần mềm không phải chứng cứ duy nhất và việc thiếu một loại tài liệu riêng lẻ không mặc nhiên chứng minh vi phạm.

Điều 30. Biện pháp tạm thời

1. Trong quá trình xác minh, biện pháp tạm thời chỉ được áp dụng khi cần thiết để bảo vệ chứng cứ, ngăn hậu quả tiếp tục phát sinh hoặc bảo vệ tính toàn vẹn của hoạt động học thuật, nghiên cứu và quyền, lợi ích hợp pháp của các bên.

2. Biện pháp phải phù hợp, tương xứng, ít hạn chế nhất có thể, không được sử dụng như hình thức xử lý hoặc kỷ luật và không được coi là căn cứ mặc nhiên xác định vi phạm.

3. Biện pháp có thể gồm bảo toàn hoặc sao lưu dữ liệu; tạm dừng công bố, sử dụng sản phẩm hoặc phần kinh phí liên quan; tạm hoãn bảo vệ, nghiệm thu, xét công nhận hoặc xét thưởng; tạm hạn chế quyền truy cập vào dữ liệu, hệ thống hoặc nguồn lực có nguy cơ bị thay đổi, tiêu hủy hoặc sử dụng không phù hợp.

4. Đơn vị thường trực hoặc Tổ xác minh đề xuất; người có thẩm quyền quyết định bằng văn bản về biện pháp, đối tượng, phạm vi và thời hạn. Biện pháp phải được rà soát, thay đổi hoặc chấm dứt khi căn cứ không còn hoặc khi có kết luận chính thức.

5. Trong trường hợp khẩn cấp có nguy cơ trực tiếp làm mất hoặc thay đổi dữ liệu, đơn vị thường trực được phối hợp với Trung tâm Thông tin Tư liệu thực hiện biện pháp kỹ thuật cần thiết để bảo toàn nguyên trạng và báo cáo người có thẩm quyền trong 01 ngày làm việc; biện pháp hạn chế quyền khác phải có quyết định của người có thẩm quyền.

Điều 31. Báo cáo xác minh và kết luận vụ việc

1. Báo cáo xác minh phải nêu nội dung vụ việc, chứng cứ, ý kiến giải trình, tình tiết có lợi và bất lợi, nhận định chuyên môn, kiến nghị về hành vi, mức độ và biện pháp khắc phục hoặc xử lý.

2. Đối với vụ việc phức tạp, nghiêm trọng hoặc còn ý kiến chuyên môn khác nhau, Hiệu trưởng có thể yêu cầu Hội đồng Liêm chính học thuật cấp Trường tư vấn trên cơ sở hồ sơ và Báo cáo xác minh.

3. Người có thẩm quyền ban hành kết luận vụ việc, trong đó nêu có hoặc không có vi phạm, căn cứ và chứng cứ chính, mức độ, việc xem xét giải trình, biện pháp khắc

phục, kiến nghị chuyển cơ quan/ đơn vị có thẩm quyền xử lý và quyền khiếu nại.

4. Kết luận vi phạm không tự động thay thế quyết định về xử lý học thuật, kỷ luật lao động/ người học hoặc quyết định khác mà pháp luật và quy định của Trường giao cho chủ thể khác.

Điều 32. Khiếu nại

1. Người bị xử lý có quyền khiếu nại theo thời hạn tại Phụ lục D và các quy định pháp luật có liên quan.

2. Người giải quyết khiếu nại và thành viên Hội đồng xem xét lại phải khách quan, không có xung đột lợi ích và không phải người trực tiếp xác minh hoặc trực tiếp ban hành quyết định đang bị khiếu nại, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

3. Việc xem xét lại tập trung vào căn cứ khiếu nại, chứng cứ mới, sai sót thủ tục, xung đột lợi ích, tính hợp lý của kết luận và tính tương xứng của biện pháp xử lý; không điều tra lại toàn bộ vụ việc nếu không cần thiết.

CHƯƠNG VII

BIỆN PHÁP KHÁC PHỤC VÀ XỬ LÝ

Điều 33. Nguyên tắc và biện pháp đối với người học

1. Biện pháp xử lý phải tương xứng, nhất quán, có tính giáo dục, phân biệt lỗi vô ý với gian lận cố ý và bảo vệ tính toàn vẹn của hồ sơ học thuật.

2. Xử lý học thuật có thể gồm yêu cầu sửa/nộp lại, trừ điểm theo tiêu chí đánh giá, không công nhận sản phẩm, điểm 0, làm lại sản phẩm, hoãn hoặc hủy kết quả bảo vệ khi phù hợp.

3. Xử lý kỷ luật người học thực hiện theo pháp luật, quy chế đào tạo và quy định công tác người học áp dụng cho từng nhóm đối tượng.

4. Vi phạm được phát hiện sau này có thể dẫn đến xem xét hủy, điều chỉnh hoặc thu hồi kết quả, văn bằng, chứng chỉ theo thẩm quyền và pháp luật.

Điều 34. Biện pháp đối với giảng viên, nghiên cứu viên và người lao động

1. Tùy tính chất và mức độ, Trường có thể yêu cầu sửa hoặc đính chính; không công nhận sản phẩm; thu hồi quyền lợi gắn với sản phẩm; tạm dừng chủ trì, hướng dẫn hoặc tham gia hội đồng; yêu cầu rút công bố; thu hồi kinh phí; điều chỉnh thi đua, khen thưởng; và áp dụng biện pháp khác thuộc thẩm quyền.

2. Trách nhiệm lao động, viên chức hoặc trách nhiệm khác được xem xét theo pháp luật và quy định nội bộ tương ứng.

3. Trường có thể thông báo cơ quan tài trợ, nhà xuất bản hoặc bên liên quan khi cần thiết để khắc phục hồ sơ và bảo vệ tính toàn vẹn học thuật, khoa học, phù hợp với pháp luật và nguyên tắc bảo mật.

Điều 35. Vi phạm được phát hiện sau khi cá nhân rời Trường

1. Việc cá nhân thôi học, tốt nghiệp, nghỉ việc, nghỉ hưu, chuyển công tác hoặc chấm dứt quan hệ với Trường không làm chấm dứt trách nhiệm đối với hành vi vi phạm được thực hiện trong thời gian học tập, làm việc tại Trường hoặc liên quan đến sản phẩm thực hiện dưới tên, địa chỉ học thuật, nguồn lực hoặc sự tài trợ của Trường.

2. Đối với người học đã thôi học hoặc tốt nghiệp, Trường có thể xác minh và xem

xét hủy, điều chỉnh hoặc thu hồi kết quả, văn bản, chứng chỉ, quyền lợi học thuật liên quan theo thẩm quyền và pháp luật.

3. Đối với người đã nghỉ việc, nghỉ hưu hoặc chuyển công tác, Trường có thể áp dụng biện pháp thuộc thẩm quyền để khắc phục hồ sơ, công bố và quyền lợi liên quan; thông báo cho cơ quan tài trợ, nhà xuất bản hoặc tổ chức có liên quan khi thực sự cần thiết và phù hợp với pháp luật.

4. Các quyền về thông báo, giải trình, chứng cứ và khiếu nại vẫn được bảo đảm. Việc quan hệ với Trường đã chấm dứt chỉ loại trừ các hình thức xử lý gắn riêng với tư cách hoặc quan hệ đã chấm dứt, không loại trừ biện pháp khắc phục khác thuộc thẩm quyền.

Điều 36. Khắc phục và bảo vệ tính toàn vẹn của hồ sơ

1. Trường có thể đính chính hồ sơ; rút hoặc yêu cầu rút công bố; điều chỉnh danh sách tác giả; hủy kết quả nghiệm thu; thu hồi khen thưởng hoặc quyền lợi; loại sản phẩm khỏi danh mục thành tích; và khôi phục quyền lợi của người bị chiếm dụng.

2. Việc thông báo cho bên liên quan chỉ thực hiện trong phạm vi cần thiết để khắc phục hậu quả, bảo vệ tính toàn vẹn của hồ sơ hoặc thực hiện nghĩa vụ pháp lý, đồng thời tuân thủ yêu cầu bảo mật và bảo vệ dữ liệu cá nhân.

CHƯƠNG VIII

QUẢN TRỊ, PHÒNG NGỪA VÀ BẢO ĐẢM CHẤT LƯỢNG

Điều 37. Cơ cấu quản trị và nguyên tắc phân tách chức năng

1. Hội đồng Liêm chính học thuật cấp Trường là cơ quan tư vấn cho Hiệu trưởng về chính sách, giám sát hệ thống, xu hướng rủi ro, cập nhật tiêu chuẩn và các vụ việc phức tạp khi được yêu cầu; Hội đồng không thay thế Tổ xác minh và không trực tiếp quyết định kỷ luật nếu không được giao thẩm quyền.

2. Hội đồng Đạo đức nghiên cứu thực hiện chức năng xem xét đạo đức trước và trong nghiên cứu; có thể cung cấp ý kiến chuyên môn cho vụ việc xác minh nhưng không mặc nhiên có thẩm quyền điều tra hoặc kỷ luật.

3. Các chức năng tiếp nhận, xác minh, tư vấn, kết luận, quyết định xử lý và giải quyết khiếu nại phải được phân tách phù hợp; người có xung đột lợi ích không tham gia giai đoạn có khả năng bị ảnh hưởng bởi xung đột đó.

4. Khi không thể tách biệt hoàn toàn nhân sự, người có thẩm quyền áp dụng biện pháp kiểm soát thích hợp, bao gồm sử dụng chuyên gia độc lập hoặc thành viên bên ngoài Trường.

Điều 38. Đơn vị thường trực và trách nhiệm của đơn vị chuyên môn

1. Hiệu trưởng giao một đơn vị làm đầu mối hướng dẫn thực hiện; tiếp nhận phản ánh; quản lý hồ sơ; điều phối kiểm tra tương đồng; tổ chức đào tạo; thống kê, theo dõi công cụ AI; xác minh sơ bộ; tham mưu thành lập Tổ xác minh và cập nhật phụ lục.

2. Đơn vị thường trực thực hiện chức năng hành chính, điều phối và tham mưu; không tự mình ban hành kết luận cá nhân có vi phạm hoặc quyết định kỷ luật nếu không được giao thẩm quyền rõ ràng.

3. Khoa và đơn vị chuyên môn có trách nhiệm phổ biến Quy định, xác định yêu cầu đặc thù ngành trong khuôn khổ quy định chung, hướng dẫn người học và theo dõi việc thực hiện.

Điều 39. Bảo vệ dữ liệu cá nhân

1. Mọi hoạt động xử lý dữ liệu cá nhân phục vụ đào tạo, nghiên cứu, đánh giá, quản trị hoặc vận hành hệ thống công nghệ phải tuân thủ pháp luật về bảo vệ dữ liệu cá nhân, bảo đảm mục đích xác định, tối thiểu hóa dữ liệu, an toàn, bảo mật và giới hạn thời gian lưu giữ.

2. Đánh giá tác động xử lý dữ liệu cá nhân và đánh giá tác động chuyển dữ liệu cá nhân xuyên biên giới được thực hiện khi thuộc trường hợp pháp luật yêu cầu; đơn vị phụ trách bảo vệ dữ liệu cá nhân hướng dẫn, theo dõi và thực hiện vai trò đầu mối theo quy định của Trường.

3. Việc sử dụng dữ liệu sinh trắc học, dữ liệu nhạy cảm hoặc AI trong quyết định có ảnh hưởng đáng kể phải áp dụng biện pháp bảo vệ tăng cường, giới hạn quyền truy cập và bảo đảm khả năng kiểm tra, giải trình phù hợp.

Điều 40. Đào tạo, giám sát, báo cáo và rà soát chính sách

1. Trường tổ chức đào tạo liên chính học thuật, liên chính nghiên cứu, đạo đức nghiên cứu, AI và bảo vệ dữ liệu cho người học, giảng viên, người hướng dẫn và các nhóm liên quan ở thời điểm, mức độ phù hợp.

2. Trường thực hiện kiểm tra, hậu kiểm dựa trên rủi ro; tổng hợp dữ liệu về vi phạm, khiếu nại, sử dụng AI và hiệu quả công cụ để cải tiến hệ thống. Dữ liệu công khai phải được tổng hợp và bảo vệ thông tin cá nhân.

3. Quy định được rà soát tối thiểu 02 năm/lần; phụ lục kỹ thuật được rà soát tối thiểu hằng năm hoặc sớm hơn khi pháp luật, công nghệ, thuật toán hoặc dạng thức gian lận thay đổi.

4. Hiệu trưởng hoặc người được phân cấp, ủy quyền được điều chỉnh phụ lục kỹ thuật trên cơ sở dữ liệu thực tế và đề nghị của đơn vị đầu mối, với điều kiện không làm thay đổi các nguyên tắc, quyền và nghĩa vụ cốt lõi của Quy định này.

CHƯƠNG IX

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 41. Điều khoản chuyển tiếp

1. Trong giai đoạn chuyển tiếp do Hiệu trưởng quyết định, Trường ưu tiên đào tạo, chuẩn hóa công cụ, hướng dẫn sử dụng AI và hiệu chỉnh quy trình trên cơ sở dữ liệu thực tế.

2. Ưu tiên hướng dẫn và khắc phục đối với lỗi kỹ thuật hoặc sơ suất nhẹ lần đầu; không áp dụng nguyên tắc khoan dung chuyển tiếp đối với nguy tạo dữ liệu, làm sai lệch dữ liệu nghiêm trọng, viết thuê, mua bán sản phẩm hoặc đạo văn có chủ ý ở mức nghiêm trọng.

Điều 42. Hiệu lực và tổ chức thực hiện

1. Quy định có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.

2. Các quy định nội bộ trước đây trái với Quy định này hết hiệu lực kể từ ngày

Quy định này có hiệu lực.

3. Trong quá trình thực hiện, vướng mắc được phản ánh về đơn vị thường trực đề tổng hợp, tham mưu Hiệu trưởng xem xét, quyết định.



Lâm Thành Hiện

PHỤ LỤC A

NGƯỠNG SÀNG LỌC VÀ NGUYÊN TẮC KIỂM TRA TƯƠNG ĐỒNG

Các ngưỡng này phục vụ sàng lọc và thẩm định, không dùng để tự động kết luận có hoặc không có đạo văn.

Sản phẩm	S1	Smax
Bài tập, tiểu luận, báo cáo học phần	$\leq 25\%$	$\leq 8\%$
Đề án/khóa luận đại học	$\leq 20\%$	$\leq 5\%$
Đề án/luận văn thạc sĩ	$\leq 20\%$	$\leq 5\%$
Luận án tiến sĩ	$\leq 20\%$	$\leq 3\%$
Bài báo, báo cáo đề tài, chương sách	$\leq 15\%$	$\leq 2\%$
Luật, chính sách, tiêu chuẩn và lĩnh vực cần phải trích dẫn nhiều văn bản chuẩn	$\leq 30\%$	$\leq 10\%$

Nguyên tắc áp dụng

1. Loại trừ hoặc xử lý riêng các thành phần hợp lệ theo cấu hình chuẩn trước khi xác định S1; không tự ý thay đổi cấu hình nhằm làm giảm tỷ lệ tương đồng.
2. S1 và Smax chỉ là chỉ số kỹ thuật. Vượt ngưỡng phải thẩm định; thấp hơn ngưỡng vẫn phải xem xét khi có dấu hiệu đạo văn trọng yếu.
3. Smax không áp dụng máy móc đối với văn bản pháp luật, tiêu chuẩn, thang đo chuẩn hoặc phương pháp bắt buộc nhưng các nội dung này phải được ghi nguồn phù hợp.
4. U được xác định bằng đánh giá chuyên môn, không bắt buộc quy đổi thành phần trăm: U1 - nhẹ; U2 - đáng kể; U3 - nghiêm trọng. Phân loại dựa trên nguồn, vị trí, tính chất, phạm vi và mức độ ảnh hưởng.
5. Kết luận đạo văn phải xem xét tổng thể U, bối cảnh, cách sử dụng nguồn, ý nghĩa học thuật, giải trình và chứng cứ; không được kết luận chỉ dựa vào tỷ lệ tương đồng.
6. Trường định kỳ đánh giá ngưỡng, cấu hình và công cụ theo dữ liệu thực tế, nhóm ngành, loại sản phẩm và trình độ đào tạo; điều chỉnh khi cần thiết.

Công cụ hiện hành

1. Turnitin/iThenticate có thể được sử dụng làm công cụ chính đối với nguồn học thuật quốc tế; KiemTraTaiLieu.vn hoặc công cụ phù hợp khác có thể được sử dụng bổ sung đối với nguồn tiếng Việt. Danh mục công cụ được Trường cập nhật theo từng thời kỳ.
2. Khi dùng nhiều công cụ: không cộng/lấy trung bình; không chọn kết quả thấp hơn để hợp thức hóa; không mặc nhiên dùng kết quả cao hơn để kết luận; khác biệt có ý nghĩa phải được thẩm định nguồn và nội dung.

PHỤ LỤC B - MA TRẬN LHU-AI

Hoạt động	AI0	AI1	AI2	AI3
Thi/ kiểm tra trực tiếp năng lực cá nhân	Mặc định	Không	Không	Không
Chính tả, định dạng, quản lý tài liệu tham khảo	Không	Cho phép	Cho phép	Cho phép
Gợi ý ý tưởng, dàn ý, tóm tắt, phản hồi	Không	Không	Khai báo	Theo phương pháp
Dịch/ biên tập đáng kể, hỗ trợ mã lệnh	Không	Không	Khai báo	Theo phương pháp
Tạo nội dung học thuật	Không	Không	Khai báo	Theo phương pháp
Phân tích dữ liệu nghiên cứu	Không	Không	Không	Phê duyệt trước
Tạo dữ liệu tổng hợp/mô phỏng	Không	Không	Không	Phê duyệt trước
AI tham gia quyết định ảnh hưởng đáng kể	Không	Không	Không	Phê duyệt trước
Tạo dữ liệu giả thay dữ liệu thật	Cấm	Cấm	Cấm	Cấm

Ghi chú: Hướng dẫn cụ thể của nhiệm vụ được ưu tiên áp dụng nếu không trái Quy định. LHU-AI2 yêu cầu khai báo; LHU-AI3 yêu cầu phê duyệt và mô tả đầy đủ.

PHỤ LỤC C - THỜI HẠN LƯU TRỮ TỐI THIỂU

Loại hồ sơ/dữ liệu	Thời hạn tối thiểu	Ghi chú
Bài tập, tiểu luận, báo cáo học phần thông thường	02 năm sau khi kết thúc học phần	Lưu dài hơn nếu có phúc khảo, khiếu nại hoặc vụ việc liên chính.
Hồ sơ kiểm tra, đánh giá và log hệ thống có giá trị minh chứng	03 năm sau khi hết thời hạn khiếu nại/phúc khảo hoặc theo quy định đào tạo nếu dài hơn	Không lưu dữ liệu cá nhân quá mức cần thiết.
Khóa luận/đồ án tốt nghiệp	Tối thiểu 05 năm	Bản sản phẩm cuối cùng có thể lưu lâu dài trong thư viện/ kho số.
Luận văn thạc sĩ	Tối thiểu 05 năm	Bản luận văn và metadata có thể lưu lâu dài.
Luận án tiến sĩ	Tối thiểu 10 năm đối với hồ sơ hỗ trợ	Bản luận án và metadata có thể lưu lâu dài theo quy định.
Báo cáo tương đồng, tuyên bố AI, checklist liên chính	Bằng thời hạn hồ sơ của sản phẩm tương ứng	
Tuyên bố đóng góp tác giả/ CRediT	Tối thiểu 10 năm sau công bố	Tuyên bố công khai có thể lưu lâu dài cùng metadata.
Tuyên bố xung đột lợi ích	Tối thiểu 05 năm sau khi công trình/nhiệm vụ kết thúc	Hoặc theo yêu cầu dài hơn của nhà tài trợ/nhà xuất bản.
Hồ sơ phê duyệt đạo đức nghiên cứu	Theo pháp luật/chuyên ngành; nếu không có quy định riêng, tối thiểu 05 năm	
Hồ sơ xác minh vi phạm liên chính	Tối thiểu 10 năm kể từ khi vụ việc giải quyết xong	Có thể dài hơn đối với vụ việc nghiêm trọng.
Dữ liệu gốc/dữ liệu đã làm sạch của đề tài đã nghiệm thu	05 năm sau nghiệm thu	Hoặc dài hơn theo yêu cầu tài trợ/chuyên ngành.
Dữ liệu, mã lệnh, file phân tích, output làm căn cứ trực tiếp cho công bố	Tối thiểu 10 năm sau công bố	Trừ dữ liệu cá nhân phải xử lý theo quy định riêng.
Nhật ký nghiên cứu	10 năm sau khi nghiên cứu kết thúc hoặc công bố chính	Có thể dài hơn với nghiên cứu rủi ro cao.
Dữ liệu cá nhân, dữ liệu nhạy	Theo căn cứ xử lý, phê duyệt đạo đức, kế hoạch quản trị dữ	Chỉ duy trì khả năng nhận dạng

cảm và hồ sơ đồng thuận	liệu và pháp luật	trong thời gian cần thiết.
Hồ sơ đang có tranh chấp/xác minh	Đến khi vụ việc được giải quyết hoàn toàn và hết thời hạn liên quan	Tạm dừng xóa/tiêu hủy trong thời gian bảo toàn hồ sơ.

Nguyên tắc: áp dụng thời hạn dài hơn khi pháp luật, cơ quan tài trợ, nhà xuất bản hoặc thỏa thuận hợp pháp yêu cầu; không xóa/tiêu hủy hồ sơ đang cần cho xác minh, khiếu nại, tranh chấp; việc lưu sản phẩm học thuật lâu dài không đồng nghĩa lưu vô thời hạn toàn bộ dữ liệu cá nhân hoặc dữ liệu nghiên cứu gốc.

PHỤ LỤC D - THỜI HẠN XỬ LÝ CÁC BƯỚC

Bước	Người thực hiện	Thời hạn
Ghi nhận/ tiếp nhận phản ánh	Đơn vị thường trực	03 ngày làm việc kể từ khi nhận phản ánh
Xác minh sơ bộ	Đơn vị thường trực	07 ngày làm việc; có thể gia hạn 01 lần, tối đa 07 ngày nếu phức tạp
Thông báo người bị xem xét	Đơn vị thường trực	05 ngày làm việc kể từ quyết định chuyển xác minh chính thức
Phản hồi/giải trình	Người bị xem xét	Tối thiểu 07 ngày làm việc kể từ khi nhận thông báo
Thành lập Tổ xác minh	Người có thẩm quyền	07 ngày làm việc kể từ quyết định xác minh chính thức; có thể thực hiện song song bước thông báo
Xác minh chính thức	Tổ xác minh	Tối đa 30 ngày làm việc; gia hạn 01 lần tối đa 15 ngày bằng văn bản, nêu rõ lý do
Kết luận và thông báo	Người có thẩm quyền/ đơn vị thường trực	Kết luận trong thời hạn xử lý vụ việc; thông báo trong 05 ngày làm việc kể từ khi có kết luận
Nộp khiếu nại	Người bị xử lý	15 ngày làm việc kể từ khi nhận thông báo kết luận, trừ khi pháp luật quy định thời hạn dài hơn
Giải quyết khiếu nại	Người có thẩm quyền	30 ngày làm việc kể từ ngày thụ lý; vụ việc phức tạp không quá 45 ngày
Biện pháp tạm thời	Người có thẩm quyền	Trong thời gian cần thiết, không vượt quá thời hạn xác minh chính thức; gia hạn phải bằng văn bản

Các thời hạn này áp dụng cho quy trình xác minh chuyên môn theo Quy định; không thay thế thời hạn của quy trình kỷ luật, lao động, giải quyết khiếu nại hoặc thủ tục chuyên ngành do pháp luật quy định riêng.